BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số _____/QĐ-ĐHNL-ĐT ký ngày_____ của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH10OT								
1	10154028	Trần Văn	Như	13/02/1991	Nam	2.32	Trung bình	
DH12CD								
1	12153164	Võ Xuân	Vinh	01/08/1994	Nam	2.12	Trung bình	
DH12OT								
1	12154142	Nguyễn Doãn	Lộc	10/02/1994	Nam	2.24	Trung bình	
DH12TD								
1	12138104	Phạm Văn	Tuấn	25/02/1994	Nam	2.57	Khá	
DH13CD								
1	13153006	Nguyễn Tam	Đức	27/02/1995	Nam	2.25	Trung bình	
2	13153011	Chu Văn	Long	13/04/1995	Nam	2.48	Trung bình	
3	13153016	Nguyễn Minh	Ngọc	15/01/1995	Nam	2.04	Trung bình	
4	13153255	Lê Ngọc Triệu	Tuấn	21/11/1995	Nam	2.27	Trung bình	
DH13CK								
1	13118205	Nguyễn Bá	May	28/11/1993	Nam	2.03	Trung bình	
2	13118279	Trương Quang	Thạnh	25/05/1995	Nam	2.30	Trung bình	
3	13118290	Phạm Quốc	Thuyên	15/11/1995	Nam	2.43	Trung bình	
DH13NL								
1	13137026	Nguyễn Minh	Châu	03/06/1994	Nam	2.91	Khá	
DH13OT								
1	13154101	Hứa Phú	Hải	23/02/1995	Nam	2.83	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH13TD								
1	13138079	Nguyễn Trần Minh	Hoàng	11/05/1995	Nam	2.11	Trung bình	
2	13138199	Trịnh Viết	Thành	18/05/1995	Nam	2.30	Trung bình	
DH14CC								
1	14118011	Nguyễn Anh	Duy	26/10/1996	Nam	2.72	Khá	
2	14118012	Phạm Đăng	Duy	26/10/1996	Nam	2.56	Khá	
3	14118036	Nguyễn Thành	Lễ	18/10/1996	Nam	2.51	Khá	
4	14118074	Phạm Đình Tiến	Tiến	07/03/1996	Nam	2.62	Khá	
5	14118094	Lê Minh	Võ	01/06/1996	Nam	2.59	Khá	
6	14118135	Nguyễn Phát	Đạt	17/07/1996	Nam	2.25	Trung bình	
7	14118137	Nguyễn Quốc	Đạt	22/11/1996	Nam	2.62	Khá	
8	14118181	Phạm Duy	Khanh	05/10/1995	Nam	2.78	Khá	
9	14118222	Nguyễn Thành	Phương	02/04/1996	Nam	2.53	Khá	
10	14118228	Trần Hữu	Phước	14/01/1996	Nam	2.42	Trung bình	
DH14CD								
1	14153003	Nguyễn Chí	Bảo	31/08/1996	Nam	2.48	Trung bình	
2	14153062	Trịnh Thành	Việt	05/11/1996	Nam	2.28	Trung bình	
3	14153094	Hứa Tiến	Hưng	08/04/1996	Nam	2.76	Khá	
4	14153104	Phan Thanh	Nam	24/04/1996	Nam	2.75	Khá	
5	14153133	Nguyễn Văn	Thuấn	11/01/1996	Nam	2.52	Khá	
DH14CK								
1	14118116	Trương	Chiến	11/06/1996	Nam	2.67	Khá	
2	14118122	Nguyễn	Cường	06/11/1995	Nam	2.61	Khá	
3	14118240	Trịnh Văn	Son	28/02/1996	Nam	2.47	Trung bình	
4	14118245	Nguyễn Văn	Tài	20/10/1996	Nam	2.68	Khá	
DH14NL								
1	14137026	Đào Minh	Đạt	01/04/1996	Nam	2.30	Trung bình	
2	14137028	Nguyễn Văn	Đông	10/10/1995	Nam	2.42	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH14OT								
1	14154015	Huỳnh Thiện	Đức	10/08/1996	Nam	2.29	Trung bình	
2	14154024	Nguyễn Phi	Hùng	27/09/1996	Nam	2.61	Khá	
3	14154025	Nguyễn Phúc	Hưng	07/11/1993	Nam	3.07	Khá	
4	14154033	Trần Phạm	Lộc	06/04/1996	Nam	2.59	Khá	
5	14154039	Nguyễn Hoài	Nhân	27/09/1996	Nam	2.79	Khá	
6	14154051	Nguyễn Trọng	Thành	09/03/1995	Nam	2.44	Trung bình	
7	14154058	Lê Đình	Thuận	12/04/1996	Nam	2.62	Khá	
8	14154100	Nguyễn Đức	Huy	20/10/1996	Nam	2.63	Khá	
9	14154105	Phạm Ngọc	Hưng	01/11/1995	Nam	2.86	Khá	
DH14TD								
1	14138002	Nguyễn Mạnh	Cường	22/11/1996	Nam	3.21	Giỏi	
2	14138023	Lê Hoàng	Phúc	18/05/1996	Nam	2.45	Trung bình	
3	14138028	Phan Văn	Sỹ	18/03/1996	Nam	2.83	Khá	
4	14138034	Nguyễn Minh	Trí	31/03/1996	Nam	2.31	Trung bình	
5	14138109	Nguyễn Thái	Trường	06/02/1994	Nam	2.55	Khá	
Chăn nuôi Thú Y								
DH10DY								
1	10142028	Lê Hải	Dương	10/10/1992	Nam	2.33	Trung bình	
DH10TY								
1	10112114	Hà Nguyễn Cẩm	Nhung	09/03/1992	Nữ	2.92	Khá	
2	10112215	Lý Công Nguyễn	Tuân	22/08/1992	Nam	2.15	Trung bình	
3	10112240	Bùi Tuấn	Vũ	20/11/1992	Nam	2.43	Trung bình	
DH11CN								
1	11111048	Lê Minh	Trí	17/04/1993	Nam	2.24	Trung bình	
DH11TY								
1	11112124	Nguyễn Phan Bảo	Khoa	09/11/1993	Nam	2.35	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH12CN								
1	12111037	Võ Xuân	Hiền	27/04/1994	Nam	2.95	Khá	
2	12111129	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	03/02/1993	Nữ	2.67	Khá	
3	12111273	Thái Lê	Huy	15/06/1993	Nam	2.34	Trung bình	
DH12TA								
1	12111175	Đặng Thị	Phượng	12/03/1994	Nữ	2.41	Trung bình	
DH12TT								
1	12112128	Trần Đức	Huy	05/12/1994	Nam	2.53	Khá	
DH12TY								
1	12112052	Lê Đăng	Trọng	23/07/1994	Nam	2.62	Khá	
DH13CN								
1	13111276	Trần Minh	Khoái	02/09/1995	Nam	2.95	Khá	
2	13111317	Huỳnh Nhật	Minh	22/10/1995	Nam	2.36	Trung bình	
3	13111335	Nguyễn Nhân	Nghĩa	10/09/1994	Nam	2.48	Trung bình	
4	13111339	Mai Vũ Tùng	Nguyên	22/08/1995	Nam	2.47	Trung bình	
5	13111424	Tạ Tấn	Tài	01/08/1994	Nam	3.10	Khá	
6	13111447	Phan Thị Phương	Thảo	10/11/1993	Nữ	2.70	Khá	
7	13111490	Tô Thị Thu	Thúy	22/10/1995	Nữ	2.62	Khá	
8	13111594	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	06/02/1994	Nữ	2.77	Khá	
DH13TA								
1	13111119	Phạm Minh	Tú	03/07/1995	Nam	3.00	Khá	
2	13111491	Đinh Nguyễn Việt	Thư	17/01/1995	Nữ	2.83	Khá	
3	13111550	Bùi Quang	Tuyên	25/02/1994	Nam	2.31	Trung bình	
DH13TY								
1	12112279	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/04/1994	Nữ	2.16	Trung bình	
2	13112098	Nguyễn Đức	Huỳnh	28/12/1995	Nam	2.81	Khá	
3	13112320	Lương Thành	Tiến	07/11/1995	Nam	2.81	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH13TYGL								
1	13112449	Trần Phúc	Đạt	05/03/1995	Nam	2.53	Khá	
DH14CN								
1	14111336	Nguyễn Thị Bích	Trâm	13/04/1995	Nữ	2.52	Khá	
DH14TA								
1	14111006	Đặng Quốc	Bảo	03/02/1996	Nam	2.42	Trung bình	
2	14111125	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/06/1996	Nữ	3.17	Khá	
3	14111192	Bùi Thị Thảo	Trân	03/03/1996	Nữ	3.11	Khá	
Công nghệ hóa học								
DH14HD								
1	14139004	Hà Kim	Anh	27/03/1996	Nữ	2.68	Khá	
2	14139116	Đỗ Trần Thảo	My	30/12/1996	Nữ	2.57	Khá	
3	14139143	Phan Thị Hồng	Nhung	17/09/1996	Nữ	2.87	Khá	
4	14139209	Phạm Thị Anh	Thư	05/02/1996	Nữ	2.59	Khá	
5	14139214	Đỗ Thị Thủy	Tiên	14/12/1995	Nữ	2.62	Khá	
6	14139237	Nguyễn Thị	Tú	25/07/1996	Nữ	3.06	Khá	
DH14HS								
1	14139059	Võ Nguyễn Lam	Hiền	27/01/1996	Nữ	2.84	Khá	
DH14HT								
1	14139014	Nguyễn Thái	Công	18/02/1996	Nam	2.64	Khá	
Kinh tế								
DH11KM								
1	11143161	Trương Vĩnh	Duy	19/07/1993	Nam	2.37	Trung bình	
DH11QT								
1	11122086	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	09/09/1993	Nữ	3.05	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH11TC								
1	11164007	Nguyễn Anh	Duy	04/12/1993	Nam	2.67	Khá	
DH12KN								
1	12155122	Huỳnh Anh	Thư	01/02/1994	Nữ	2.90	Khá	
DH12KT								
1	12120001	Hồ Thị	Ánh	11/04/1994	Nữ	2.96	Khá	
2	12122237	Nguyễn Thị Minh	Thương	08/03/1994	Nữ	2.46	Trung bình	
DH12TC								
1	12122257	Trần Kỳ	Trung	19/10/1994	Nam	2.79	Khá	
DH13KN								
1	13155007	Lê Quang Nhất	Hoàng	18/07/1995	Nam	2.77	Khá	
2	13155029	Nguyễn Minh	Tân	05/04/1995	Nam	2.99	Khá	
3	13155102	Trần Thị Bé	Hiền	10/08/1995	Nữ	3.02	Khá	
4	13155263	Huỳnh Thị Thu	Thủy	20/02/1995	Nữ	2.86	Khá	
DH13QT								
1	13122030	Trần Thị Thùy	Duyên	19/02/1995	Nữ	2.91	Khá	
DH13TC								
1	13122297	Lê Phi	Hùng	20/08/1994	Nam	2.37	Trung bình	
2	13122329	Đỗ Vũ Quỳnh	Mai	10/07/1995	Nữ	2.83	Khá	
DH14KE								
1	14123141	Trần Quang	Hạ	01/01/1996	Nam	3.29	Giỏi	
2	14123200	Huỳnh Thị Ngọc	Yến	04/07/1995	Nữ	3.44	Giỏi	
DH14KEGL								
1	14123211	Hồ Thị	Hà	02/09/1995	Nữ	2.14	Trung bình	
2	14123217	Đinh Thế	Hiển	26/10/1996	Nam	2.40	Trung bình	
3	14123254	Trần Thị Ngọc	Thúy	08/10/1996	Nữ	2.26	Trung bình	
4	14123256	Phan Thị Thùy	Trâm	31/01/1996	Nữ	2.11	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH14KM								
1	14120059	Lê Thùy	Trâm	04/01/1996	Nữ	2.62	Khá	
DH14KN								
1	14155010	Nguyễn Xuân	Hà	02/10/1996	Nam	2.87	Khá	
2	14155031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	14/05/1996	Nữ	3.03	Khá	
3	14155043	Ngô Sơn	Trang	31/07/1996	Nữ	2.76	Khá	
4	14155126	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	27/05/1995	Nữ	3.45	Giỏi	
DH14KT								
1	14120035	Trần Thị Thanh	Nhàn	08/05/1996	Nữ	2.72	Khá	
DH14PT								
1	14121067	Trần Thị	Luyến	16/09/1996	Nữ	2.98	Khá	
2	14121091	Võ Thị Anh	Thư	20/03/1994	Nữ	2.78	Khá	
DH14QT								
1	14122014	Đặng Thị Mỹ	Dung	10/04/1996	Nữ	3.15	Khá	
2	14122057	Nguyễn Thị Thanh	Lan	10/07/1996	Nữ	3.02	Khá	
DH14TM								
1	14122178	Hồ Thị Thùy	An	20/08/1996	Nữ	3.37	Giỏi	
2	14122364	Nguyễn Thị Thúy	Sang	10/09/1996	Nữ	2.93	Khá	
DH15KE								
1	15123005	Trương Nguyễn Minh Thụy Vân	Anh	11/01/1997	Nữ	3.48	Giỏi	
2	15123006	Dương Thị Ngọc	Ánh	10/03/1997	Nữ	3.35	Giỏi	
3	15123013	Trần Thị Mỹ	Diệu	04/03/1997	Nữ	3.09	Khá	
4	15123018	Trần Nguyễn Bích	Duyên	01/10/1997	Nữ	2.91	Khá	
5	15123023	Trần Gia	Hân	17/05/1997	Nữ	2.82	Khá	
6	15123024	Phan Nguyễn Thu	Hằng	07/06/1997	Nữ	3.12	Khá	
7	15123035	Trần Văn	Kết	16/04/1997	Nam	2.96	Khá	
8	15123041	Bùi Thị Mỹ	Linh	13/10/1997	Nữ	2.97	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
9	15123047	Võ Gia	Lộc	26/08/1997	Nữ	2.95	Khá	
10	15123050	Bùi Thị Xuân	Mãi	06/12/1997	Nữ	2.97	Khá	
11	15123059	Từ Thị Minh	Nguyện	10/10/1996	Nữ	2.97	Khá	
12	15123064	Phan Thị Kim	Oanh	06/01/1997	Nữ	3.15	Khá	
13	15123069	Lê Tấn Mỹ	Phương	18/01/1997	Nữ	3.10	Khá	
14	15123073	Nguyễn Thị Bích	Phượng	23/12/1997	Nữ	2.87	Khá	
15	15123076	Nguyễn Anh Mỹ	Quỳnh	01/01/1997	Nữ	3.04	Khá	
16	15123078	Lê Thị Thanh	Tâm	05/04/1997	Nữ	3.23	Giỏi	
17	15123079	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	25/09/1997	Nữ	3.24	Giỏi	
18	15123082	Hoàng Thị Ngọc	Thành	20/04/1997	Nữ	2.76	Khá	
19	15123086	Phùng Thị Thanh	Thảo	09/06/1997	Nữ	3.59	Giỏi	
20	15123089	Lê Thị Hồng	Thơm	15/11/1997	Nữ	3.41	Giỏi	
21	15123093	Trần Thị Anh	Thư	28/05/1997	Nữ	3.11	Khá	
22	15123098	Cao Thị Thu	Thủy	14/08/1997	Nữ	2.63	Khá	
23	15123113	Phạm Xuân	Trinh	26/04/1997	Nữ	3.17	Khá	
24	15123120	Nguyễn Phạm Phương	Uyên	01/07/1997	Nữ	3.36	Giỏi	
25	15123121	Hoàng Thị	Vui	09/12/1996	Nữ	3.16	Khá	
26	15123122	Huỳnh Hoa Phượng	Vy	24/03/1997	Nữ	3.04	Khá	
27	15123124	Nguyễn Thị Mỹ	Yên	18/06/1997	Nữ	2.51	Khá	
28	15123125	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	07/12/1997	Nữ	2.67	Khá	
DH15KM								
1	15120014	Nguyễn Võ Tiến	Đạt	10/11/1997	Nam	3.26	Giỏi	
2	15120067	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hương	12/09/1997	Nữ	3.19	Khá	
3	15120088	Nguyễn Thị Hồng	Ly	21/08/1997	Nữ	2.97	Khá	
4	15120127	Lê Văn	Phong	25/11/1997	Nam	3.23	Giỏi	
5	15120155	Nguyễn Song	Thắng	05/08/1997	Nam	2.76	Khá	
6	15120171	Trần Thị	Thu	16/10/1997	Nữ	3.05	Khá	
7	15120176	Nguyễn Lê Hoài	Thương	27/12/1997	Nữ	2.91	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH15KN								
1	15155005	Trần Chí	Cường	02/09/1997	Nam	3.03	Khá	
2	15155011	Nguyễn Trường	Dư	20/06/1997	Nam	3.08	Khá	
3	15155015	Võ Thị Ngọc	Hà	20/07/1997	Nữ	3.27	Giỏi	
4	15155022	Võ Tấn	Hiệp	01/09/1995	Nam	3.20	Khá	
5	15155042	Phan Hoàng Như	Ngọc	10/05/1997	Nữ	3.17	Khá	
6	15155069	Lê Thị Hương	Tràm	10/05/1997	Nữ	3.19	Khá	
7	15155070	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	03/12/1997	Nữ	2.99	Khá	
8	15155084	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	26/02/1996	Nữ	3.15	Khá	
9	15155085	Đỗ Thị Kim	Yến	24/12/1997	Nữ	3.10	Khá	
DH15KT								
1	15120019	Đặng Anh	Đức	20/02/1997	Nam	2.70	Khá	
2	15120028	Nguyễn Thị Thúy Duy	Duy	12/04/1997	Nữ	3.08	Khá	
3	15120039	Huỳnh Ngọc	Hằng	29/07/1997	Nữ	2.97	Khá	
4	15120040	Nguyễn Thị	Hằng	23/03/1997	Nữ	2.73	Khá	
5	15120041	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	08/04/1997	Nữ	3.39	Giỏi	
6	15120044	Hồ Thị	Hậu	10/12/1997	Nữ	3.36	Giỏi	
7	15120052	Nguyễn Duy	Hiếu	24/12/1997	Nam	3.11	Khá	
8	15120073	Hoàng Thị	Huyền	24/04/1997	Nữ	3.39	Giỏi	
9	15120104	Trần Phương	Nguyên	03/09/1997	Nữ	3.39	Giỏi	
10	15120105	Võ Duy	Nguyên	24/06/1997	Nữ	3.13	Khá	
11	15120116	Đinh Thùy	Nhị	09/05/1997	Nữ	3.27	Giỏi	
12	15120121	Võ Thị Cẩm	Nhung	26/08/1997	Nữ	3.21	Giỏi	
13	15120122	Dương Thị Ngọc	Nữ	20/04/1997	Nữ	3.06	Khá	
14	15120139	Nguyễn Thị Hồng	Quế	16/02/1997	Nữ	2.88	Khá	
15	15120159	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/06/1997	Nữ	3.20	Giỏi	
16	15120161	Phạm Thị Thu	Thảo	19/08/1997	Nữ	3.01	Khá	
17	15120172	Vũ Thị Ngọc	Thu	05/05/1997	Nữ	3.28	Giỏi	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
18	15120174	Ngô Oanh	Thư	25/10/1997	Nữ	3.03	Khá	
19	15120178	Mai Thị Thanh	Thúy	09/05/1997	Nữ	3.37	Khá	
20	15120187	Cao Nguyễn Thùy	Trang	12/03/1997	Nữ	2.96	Khá	
21	15120191	Lê Thị Hạnh	Trang	16/02/1997	Nữ	3.28	Giỏi	
22	15120205	Lê Anh	Tuấn	01/09/1997	Nam	3.18	Khá	
23	15120207	Trần Thị Ngọc	Tuyền	14/07/1997	Nữ	2.98	Khá	
DH15PT								
1	15121056	Trương Thị Thùy	Trang	11/10/1997	Nữ	3.32	Giỏi	
DH15QT								
1	15122014	Đặng Thị Kim	Cúc	27/01/1997	Nữ	3.32	Giỏi	
2	15122024	Nguyễn Xuân	Đạt	20/01/1997	Nam	3.41	Giỏi	
3	15122028	Lê Thị Kiều	Diễm	08/08/1997	Nữ	3.69	Xuất sắc	
4	15122032	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	12/07/1997	Nữ	3.36	Giỏi	
5	15122071	Nguyễn Thị Thùy	Hương	18/08/1997	Nữ	3.41	Giỏi	
6	15122103	Lý Thị Thùy	Linh	02/01/1997	Nữ	3.08	Khá	
7	15122141	Huỳnh Thị Yến	Nhi	25/06/1996	Nữ	3.00	Khá	
8	15122150	Nguyễn Thị Ngọc	Như	17/10/1997	Nữ	3.49	Giỏi	
9	15122204	Võ Thị	Thư	20/11/1997	Nữ	3.23	Giỏi	
10	15122209	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	10/03/1997	Nữ	3.28	Giỏi	
11	15122272	Lê Thảo	Viên	22/11/1997	Nữ	3.32	Giỏi	
DH15TC								
1	15122002	Lê Thị	Anh	15/08/1996	Nữ	3.45	Giỏi	
2	15122010	Nguyễn Văn	Bão	06/11/1996	Nam	3.33	Giỏi	
3	15122030	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	03/12/1997	Nữ	3.10	Khá	
4	15122046	Bế Thị	Hạnh	29/01/1997	Nữ	3.28	Giỏi	
5	15122055	Trần Thị Thanh Hiền	Hiền	13/12/1997	Nữ	3.18	Khá	
6	15122059	Nguyễn Đức	Hiếu	20/04/1997	Nam	3.09	Khá	
7	15122098	Trần Thị Phương	Lan	21/09/1997	Nữ	3.39	Giỏi	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
8	15122133	Khê Nữ Thùy	Nguyên	03/07/1997	Nữ	3.07	Khá	
9	15122175	Nguyễn Lê Hoàng	Quyên	13/08/1997	Nữ	3.11	Khá	
10	15122207	Nguyễn Thị Mai	Thuy	25/10/1997	Nữ	3.15	Khá	
11	15122245	Lê Thị Tú	Trinh	26/11/1997	Nữ	3.32	Giỏi	
12	15122250	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	02/05/1997	Nữ	2.99	Khá	
DH15TM								
1	15122023	Nguyễn Đức	Đạt	15/10/1997	Nam	3.32	Giỏi	
2	15122037	Huỳnh Thị Lệ	Duyên	23/12/1997	Nữ	3.33	Giỏi	
3	15122070	Lê Thị Lan	Hương	09/08/1997	Nữ	3.56	Giỏi	
4	15122099	Nguyễn Thị	Len	05/05/1997	Nữ	3.18	Khá	
5	15122100	Ngô Thị Bích	Liên	24/09/1997	Nữ	3.48	Giỏi	
6	15122108	Trần Khánh	Ly	20/09/1997	Nữ	3.15	Khá	
7	15122132	Phạm Thị Thu	Ngọc	15/09/1997	Nữ	3.57	Giỏi	
8	15122154	Hồ Thị Tuyết	Nhung	20/04/1997	Nữ	3.19	Khá	
9	15122159	Nguyễn Quảng Hồng	Phúc	12/02/1997	Nam	3.23	Giỏi	
10	15122180	Đinh Thị	Sang	08/04/1996	Nữ	3.45	Giỏi	
11	15122203	Nguyễn Thị Diễm	Thu	30/08/1997	Nữ	3.71	Xuất sắc	
12	15122233	Bùi Hoàng Quỳnh	Trang	09/12/1997	Nữ	3.40	Giỏi	
13	15122242	Đỗ Mai	Trinh	03/06/1997	Nữ	3.49	Giỏi	
14	15122249	Nguyễn Thị Nhật	Trúc	01/01/1997	Nữ	3.30	Giỏi	
15	15122280	Nguyễn Thị Hải	Yến	08/10/1997	Nữ	3.27	Giỏi	
LT15KE								
1	15423038	Hoàng Thị	Mận	12/02/1992	Nữ	2.35	Trung bình	
LT15QT								
1	15422010	Hoàng Thị Kim	Hằng	24/07/1990	Nữ	3.38	Giỏi	
LT16KE								
1	16423004	Nguyễn Minh	Cảnh		Nam	2.74	Khá	
2	16423012	Võ Thị Quỳnh	Hương	11/03/1995	Nữ	2.97	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	16423014	Hoàng Thị	Hồng	10/04/1993	Nữ	2.75	Khá	
4	16423016	Đỗ Thu	Huệ	09/03/1991	Nữ	3.05	Khá	
5	16423017	Nguyễn Thị	Huyền	16/04/1993	Nữ	3.11	Khá	
6	16423019	Phan Ngọc Phương	Linh	14/02/1995	Nữ	2.75	Khá	
7	16423024	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/12/1990	Nữ	3.28	Giỏi	
8	16423025	Trần Thy	Thy	27/09/1994	Nữ	3.16	Khá	
9	16423028	Trương Quốc	Tuấn	01/01/1994	Nam	3.02	Khá	
10	16423030	Vũ Thị	Tuyết	11/07/1990	Nữ	3.16	Khá	
11	16423032	Phạm Thị Trúc	Vân	28/12/1992	Nữ	2.90	Khá	
12	16423033	Hồ Lê Hoàng	Việt	20/09/1995	Nam	3.20	Giỏi	
13	16423040	Đặng Thị Huyền	Thanh	04/7/1990	Nữ	2.82	Khá	
LT16QT								
1	16422009	Võ Thị Thuỷ	Nho	15/08/1993	Nữ	3.49	Giỏi	
2	16422020	Hồ Thanh	Trúc	26/04/1995	Nam	3.24	Giỏi	
TC11PTLA								
1	11221058	Mai Thanh	Toàn	06/06/1986	Nam	7.02	Khá	
Lâm nghiệp								
DH11GN								
1	11169015	Lê Tấn	Thương	22/07/1992	Nam	2.35	Trung bình	
DH11QR								
1	11147062	Trần Quốc	Bảo	30/12/1993	Nam	2.61	Khá	
DH12QR								
1	12114305	Phạm Quốc	Nghĩa	22/12/1993	Nam	2.31	Trung bình	
DH13CB								
1	13115026	Nguyễn Thành	Đô	08/08/1995	Nam	2.47	Trung bình	
2	13115272	Nguyễn Thị Kim	Luyến	15/04/1995	Nữ	2.26	Trung bình	
3	13115488	Huỳnh Thị Ngọc	Lai	18/10/1994	Nữ	2.54	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH13GB								
1	13115421	Phan Hữu	Toàn	21/07/1995	Nam	2.50	Khá	
DH13GN								
1	13115387	Trần Xuân	Thắng	12/04/1995	Nam	2.53	Khá	
DH14CB								
1	14114362	Đoàn Trung	Hiếu	26/12/1996	Nam	2.46	Trung bình	
2	14114372	Lê Thị Mỹ	Linh	20/01/1996	Nữ	2.91	Khá	
3	14115054	Hồ Ngọc	Khoa	10/05/1996	Nam	2.86	Khá	
4	14115199	Đỗ Dương Anh	Ly	03/06/1995	Nữ	2.64	Khá	
5	14115230	Đặng Hữu	Tài	06/08/1996	Nam	2.92	Khá	
6	14115358	Văn Thị Thúy	Phương	13/08/1996	Nữ	2.75	Khá	
7	14115416	Trần Thị	Uyên	23/11/1996	Nữ	2.66	Khá	
DH14GB								
1	14115082	Hoàng Thị Hạnh	Nghĩa	05/09/1996	Nữ	2.88	Khá	
DH14LN								
1	14114060	Mai Tứ	Long	24/01/1996	Nam	2.67	Khá	
2	14114270	Lê Bá	Thành	25/08/1995	Nam	2.86	Khá	
DH14LNGL								
1	14114168	Nguyễn Trường	Nhẫn	24/01/1996	Nam	3.24	Giỏi	
2	14114176	Lương Thanh Hoài	Thương	02/04/1996	Nữ	2.64	Khá	
3	14114178	Phạm Chánh	Tín	10/01/1996	Nam	2.42	Trung bình	
4	14114305	Lê Đình Quang	Huy	04/09/1996	Nam	2.25	Trung bình	
5	14114311	Ngô Đức	Long	20/09/1996	Nam	2.37	Trung bình	
6	14114332	Cao Văn	Tí	16/05/1996	Nam	2.51	Khá	
7	14114338	Huỳnh	Tú	04/10/1995	Nam	2.60	Khá	
DH14NK								
1	14114221	Trần Đăng	Khánh	23/11/1990	Nam	2.38	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	14114278	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	13/09/1996	Nữ	2.87	Khá	
DH14QR								
1	14114059	Phạm Thị Ngọc	Linh	22/12/1996	Nữ	2.82	Khá	
2	14114084	Nguyễn Văn	Nhật	17/04/1995	Nam	2.91	Khá	
3	14114200	Trần Tiến	Đạt	02/08/1996	Nam	2.65	Khá	
4	14114256	Phạm Nhật	Phi	17/04/1996	Nam	3.12	Khá	
Môi trường và Tài nguyên								
DH12QM								
1	12149268	Đặng Đăng	Khoa	17/11/1994	Nam	2.54	Khá	
DH13GI								
1	13162037	Lý Hoàng Duy	Khanh	03/06/1995	Nam	2.49	Trung bình	
2	13162116	Huỳnh Nguyễn Nhật	Vy	02/03/1995	Nữ	2.56	Khá	
DH13MT								
1	13127217	Phan Trường	Sang	28/08/1995	Nam	2.63	Khá	
2	13127283	Lê Hoàng	Tiến	24/01/1995	Nam	2.35	Trung bình	
3	13127338	Hoàng Châu Hiệp	Vũ	28/03/1994	Nam	2.77	Khá	
DH13QM								
1	13149138	Nguyễn Hồ Huy	Hoàng	28/07/1995	Nữ	2.54	Khá	
2	13149163	Nguyễn Ngọc	Hùng	09/12/1995	Nam	2.45	Trung bình	
DH13QMGL								
1	13149534	Lê Thị	Huệ	18/04/1995	Nữ	2.18	Trung bình	
DH13QMNT								
1	13149805	Đàng Đức Hoàng	Hảo	26/02/1995	Nam	2.70	Khá	
DH14CH								
1	14131177	Đỗ Thị Minh	Thư	04/12/1996	Nữ	3.17	Khá	
DH14ES								
1	14163012	Võ Thị Mỹ	Tiên	14/04/1996	Nữ	2.58	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	14163050	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	10/03/1996	Nữ	2.53	Khá	
3	14163057	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	25/03/1996	Nữ	2.85	Khá	
4	14163088	Nguyễn Trương Gia	Hân	04/01/1996	Nữ	3.10	Khá	
5	14163093	Võ Thị Thanh	Hiền	11/02/1996	Nữ	2.68	Khá	
6	14163095	Lê Tiến	Hoa	19/11/1996	Nam	2.67	Khá	
7	14163129	Trần Thị Phương	Linh	16/05/1996	Nữ	2.67	Khá	
8	14163220	Phạm Tố	Quyên	03/05/1996	Nữ	2.84	Khá	
9	14163251	Nguyễn Thị Thu	Thảo	27/09/1996	Nữ	2.97	Khá	
10	14163287	Cai Thị Thương	Tính	04/09/1996	Nữ	2.78	Khá	
11	14163302	Trịnh Minh	Trung	20/03/1995	Nam	3.03	Khá	
12	14163337	Lương Như	Ý	20/01/1996	Nữ	2.85	Khá	
DH14MT								
1	14127056	Đỗ Hoàng	Khanh	04/05/1996	Nam	2.60	Khá	
2	14127087	Lưu Thương	Nhật	29/06/1996	Nam	2.42	Trung bình	
3	14127150	Võ Thị	Tuyền	20/12/1996	Nữ	2.91	Khá	
DH14QM								
1	14149030	Thân Anh	Duy	20/02/1995	Nam	2.59	Khá	
2	14149038	Trần Diệu	Đoan	16/10/1996	Nữ	2.89	Khá	
3	14149065	Phạm	Hoàng	04/08/1996	Nam	2.57	Khá	
4	14149115	Trịnh Hoàng	Phát	24/03/1996	Nam	2.89	Khá	
5	14149156	Lê Minh	Thùy	23/03/1996	Nữ	3.13	Khá	
6	14149192	Ngô Tùng	Vinh	24/02/1996	Nam	2.87	Khá	
DH14QMGL								
1	14149299	Đặng Thị	Ngân	27/07/1996	Nữ	2.84	Khá	
DH14QMNT								
1	14149343	Nguyễn Văn Việt	Bảo	29/05/1996	Nam	2.78	Khá	
2	14149353	Nguyễn Trường	Giang	25/01/1996	Nam	2.71	Khá	
3	14149354	Trương Thị Kiến	Giang	11/08/1996	Nam	2.52	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	14149366	Trần Anh	Khoa	01/01/1996	Nam	2.80	Khá	
5	14149379	Lê Thị Thu	Ngân	06/03/1995	Nam	2.77	Khá	
6	14149396	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	03/09/1996	Nam	2.94	Khá	
7	14149398	Nguyễn Thị	Sang	20/06/1995	Nam	2.88	Khá	
8	14149425	Nguyễn Minh	Trọng	12/07/1995	Nam	2.81	Khá	
9	14149430	Nguyễn Phương	Uyên	11/07/1996	Nam	2.80	Khá	
10	14149432	Nguyễn Thị Bích	Vân	11/05/1996	Nam	2.65	Khá	
11	14149436	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	27/08/1996	Nam	2.66	Khá	
DH14TK								
1	14131101	Tôn Thị Ngọc	Mai	18/06/1996	Nữ	3.14	Khá	
Nông học								
DH10NH								
1	10113097	Mai Xuân	Ngọc	01/01/1992	Nam	2.92	Khá	
DH12NHC								
1	12113141	Trần Đình	Hoàng	11/09/1994	Nam	2.42	Trung bình	
DH13BVA								
1	13145018	Mai Quốc	Cường	19/12/1995	Nam	2.83	Khá	
DH13NHGL								
1	13113282	Vũ Đình	Hĩu	28/02/1995	Nam	2.34	Trung bình	
2	13113421	Trương Thị Hồng	Trâm	25/06/1994	Nữ	2.83	Khá	
3	13113441	Trần Hoàng	Vương	20/08/1995	Nam	3.28	Khá	
DH14BV								
1	14145048	Ka	Hoen	21/08/1996	Nữ	3.14	Khá	
2	14145069	Trần Văn	Lộc	07/04/1996	Nam	2.93	Khá	
3	14145085	Nguyễn Thị Kim	Nhân	18/12/1996	Nữ	2.98	Khá	
4	14145116	Nguyễn Ngọc	Thuận	18/06/1996	Nam	2.95	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH14NHA								
1	14113125	Đỗ Nguyễn Loan	Ngọc	25/01/1996	Nữ	3.17	Khá	
2	14113147	Phạm Tấn	Phong	06/04/1996	Nam	2.91	Khá	
3	14113206	Nguyễn Quang	Thoại	30/01/1996	Nam	2.72	Khá	
4	14113317	Triệu Thị	Hợi	24/01/1995	Nữ	3.08	Khá	
5	14113323	Trì Trường	Thọ	13/02/1995	Nam	2.43	Trung bình	
DH14NHB								
1	14113031	Bùi Quốc	Dũng	03/08/1995	Nam	3.21	Giỏi	
2	14113071	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	14/06/1996	Nữ	2.91	Khá	
3	14113123	Lý Học	Nghiệp	27/08/1996	Nam	2.49	Trung bình	
4	14113181	Hoàng Ngọc	Tân	18/06/1994	Nam	2.62	Khá	
5	14113186	Nguyễn Ngọc	Thành	09/07/1996	Nam	2.92	Khá	
6	14113238	Phan Duy Quốc	Trí	04/11/1995	Nam	3.12	Khá	
DH14NHGL								
1	14113264	Nguyễn Văn	Đính	26/05/1996	Nam	2.78	Khá	
2	14113266	Nguyễn Thành	Đức	29/05/1996	Nam	2.60	Khá	
3	14113270	Nguyễn Công	Hậu	23/01/1996	Nam	2.50	Khá	
4	14113279	Chạc Như	Nguyệt	16/06/1996	Nữ	2.93	Khá	
5	14113286	Lê Thị Mỹ	Quyên	24/04/1996	Nữ	2.35	Trung bình	
6	14113293	Huỳnh Như	Thùy	14/03/1996	Nữ	2.58	Khá	
7	14113295	Lê Thị Thùy	Trang	12/03/1996	Nữ	2.88	Khá	
8	14113335	Lê Thị Ngọc	Diệp	05/07/1995	Nữ	2.92	Khá	
9	14113350	Hồ Thị	Hồng	24/08/1995	Nữ	3.06	Khá	
10	14113370	Phan Thị Lê	Na	17/12/1995	Nữ	2.75	Khá	
11	14113378	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	10/01/1996	Nữ	2.58	Khá	
DH14NHNT								
1	14113312	Nguyễn Chí	Trường	29/05/1996	Nam	2.67	Khá	
2	14113468	Đỗ Thị Cẩm	Tú	28/11/1996	Nữ	3.13	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
TC08NHNX								
1	08213172	Trần Thị Khánh	Vân	02/09/1983	Nữ	6.09	Trung bình khá	
TC12NH								
1	12222022	Nguyễn Thanh	Tú	/ /1985	Nam	6.30	Trung bình khá	
TC12NHBD								
1	12213004	Nguyễn Ngọc	Đức	20/08/1978	Nam	6.87	Trung bình khá	
2	12213015	Phạm Ngọc	Giàu	21/05/1984	Nam	6.38	Trung bình khá	
3	12213019	Nguyễn Duy	Hải	16/08/1984	Nam	6.23	Trung bình khá	
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH13AV								
1	13128016	Lê Trần Ngọc	Diễm	10/04/1995	Nữ	2.72	Khá	
DH13SP								
1	13132056	Phạm Thị	Thảo	23/02/1995	Nữ	2.56	Khá	
2	13132420	Hồ Thị Ngọc	Tuyền	11/04/1995	Nữ	2.61	Khá	
DH14AV								
1	14128005	Phạm ái Như	Anh	07/12/1996	Nữ	2.83	Khá	
2	14128020	Trần Tuấn	Đạt	16/01/1995	Nam	3.16	Khá	
3	14128056	Nguyễn Trần Thúy	Linh	27/06/1995	Nữ	2.56	Khá	
4	14128115	Phạm Thị Thủy	Tiên	02/11/1996	Nữ	2.60	Khá	
DH14SP								
1	14132087	Trần Tạ Minh	Tiến	28/10/1996	Nam	2.47	Trung bình	
2	14132098	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	20/06/1996	Nữ	2.69	Khá	
3	14132127	Nguyễn Văn	Diệp	10/12/1994	Nam	2.73	Khá	
4	14132156	Liang Ka Ngọc	Huyền	01/08/1996	Nữ	2.94	Khá	
5	14132213	Lê Minh	Tài	25/03/1996	Nam	2.45	Trung bình	
6	14132234	Lê Nguyễn Hữu Thuận	Thuận	04/12/1996	Nam	2.77	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Quản lý đất đai và Bất động sản								
CD13CQ								
1	13333223	Võ Hoàng	Kha	29/08/1994	Nam	2.21	Trung bình	
2	13333486	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/03/1994	Nữ	2.27	Trung bình	
3	13333565	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/04/1995	Nữ	2.26	Trung bình	
DH12QL								
1	12124406	La Thị	Linh	16/03/1993	Nữ	2.48	Trung bình	
DH13DC								
1	13124136	Nguyễn Quốc	Huy	23/05/1990	Nam	2.57	Khá	
DH13QD								
1	13124027	Nguyễn Như	Bảo	02/01/1994	Nam	2.27	Trung bình	
2	13124202	Cao Thành	Luân	02/07/1994	Nam	2.69	Khá	
DH13QL								
1	13124103	Ngô Thị Thu	Hiền	16/06/1995	Nữ	2.54	Khá	
2	13124116	Huỳnh Ngọc	Hoa	08/12/1995	Nữ	2.92	Khá	
3	13124220	Nông Nguyễn ái	My	21/12/1995	Nữ	2.56	Khá	
4	13124267	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	20/07/1995	Nữ	2.56	Khá	
5	13124303	Huỳnh Thị Kim	Quy	20/10/1995	Nữ	2.39	Trung bình	
DH13QLGL								
1	13124723	Châu	Dang	21/12/1992	Nam	2.82	Khá	
DH14DC								
1	14124356	Nguyễn Ngô Anh	Toàn	12/02/1996	Nam	2.65	Khá	
2	14124376	Hà Thị Bích	Trâm	15/03/1996	Nữ	2.75	Khá	
DH14QD								
1	14124123	Nguyễn Thị Thúy	Liễu	01/02/1996	Nữ	2.82	Khá	
2	14124282	Hoàng Thị	Tâm	21/09/1996	Nữ	2.72	Khá	
3	14124308	Hồ Xuân	Thạch	23/04/1995	Nam	2.64	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	14124341	Huỳnh Thị Hoài	Thương	28/12/1995	Nữ	2.95	Khá	
DH14QLA								
1	14124051	Nguyễn Tiến	Đại	10/10/1995	Nam	2.63	Khá	
2	14124060	Trần Bá Tường	Giang	12/04/1996	Nam	2.59	Khá	
3	14124095	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	27/04/1995	Nữ	2.90	Khá	
4	14124135	Hà Thị Hải	Loan	08/01/1996	Nữ	2.94	Khá	
5	14124174	Lê Phước	Nghĩa	02/02/1996	Nam	2.91	Khá	
6	14124340	Trần Mộng Hoàng Anh	Thư	10/11/1996	Nữ	2.54	Khá	
7	14124413	Đặng Tú	Uyên	22/01/1996	Nữ	2.75	Khá	
DH14QLB								
1	14124021	Lồ Vễnh	Chanh	27/01/1995	Nam	2.54	Khá	
2	14124067	Huỳnh Ngọc	Hạnh	02/09/1996	Nữ	2.63	Khá	
3	14124134	Văn Thị Thu	Linh	20/12/1995	Nữ	2.72	Khá	
4	14124192	Nguyễn Hoàng Nhân	Nhân	31/08/1995	Nam	2.68	Khá	
5	14124203	Lý Thiên	Nhi	09/07/1996	Nữ	2.44	Trung bình	
6	14124252	Nguyễn Văn	Quang	19/02/1996	Nam	3.03	Khá	
7	14124274	Hoàng Văn	Sơn	14/07/1996	Nam	2.62	Khá	
8	14124374	Trần Lương Thùy	Trang	20/06/1996	Nữ	2.76	Khá	
9	14124392	Trần Quốc	Trung	24/02/1996	Nam	2.83	Khá	
DH14QLNT								
1	14124464	Bùi Ngọc	Hân	24/08/1993	Nam	2.93	Khá	
2	14124551	Hồ Công	Bình	18/03/1994	Nam	2.73	Khá	
3	14124561	Tống Thị Hoàng	Hải	08/08/1996	Nam	3.24	Giỏi	
4	14124584	Huỳnh Thị Ngọc	Quyên	02/09/1996	Nữ	2.79	Khá	
5	14124589	Lê Thị Hồng	Thỏa	26/08/1994	Nữ	3.16	Khá	
6	14124604	Phan Thị Thanh	Vi	25/11/1996	Nữ	2.96	Khá	
DH14TB								
1	14124039	Phạm Ngọc	Dũ	11/11/1996	Nam	2.78	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	14124393	Bùi Thị Thanh	Trúc	20/05/1996	Nữ	2.87	Khá	
LT15QL								
1	15424017	Phạm Văn	Hoa	01/05/1984	Nam	2.47	Trung bình	
LT16QL								
1	16424019	Huỳnh Ngọc Anh	Khôi	19/12/1994	Nam	2.44	Trung bình	
2	16424042	Phạm Nguyễn Hạnh	Trinh	13/04/1994	Nữ	2.55	Khá	
Công nghệ sinh học								
DH11SM								
1	11172192	Nguyễn Văn	Tuấn	10/02/1993	Nam	2.76	Khá	
DH12SH								
1	12126014	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16/06/1994	Nữ	2.84	Khá	
DH13SHA								
1	13126066	Phạm Thiên	Hà	20/08/1995	Nữ	3.13	Khá	
2	13126195	Trần Thị Thảo	Nguyên	15/06/1994	Nữ	2.82	Khá	
DH13SM								
1	13126415	Nguyễn Vũ Hoàng	Yến	09/12/1995	Nữ	2.97	Khá	
DH14SHA								
1	14126235	Huỳnh Phan Nhật	Thùy	02/09/1996	Nữ	2.70	Khá	
DH14SHB								
1	14126086	Phạm Thanh	Huy	12/09/1996	Nam	2.96	Khá	
DH14SM								
1	14126183	Huỳnh Thị	Phúc	30/12/1996	Nữ	2.90	Khá	
2	14126208	Trương Hùng	Tây	12/01/1996	Nam	3.21	Khá	
3	14126299	Nguyễn Thị Diễm	Xuân	10/06/1996	Nữ	3.29	Giỏi	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Công nghệ thông tin								
CD13TH								
1	13329113	Lê Quang	Minh	24/07/1994	Nam	2.04	Trung bình	
2	13329199	Lê Thị	Thảo	21/07/1995	Nữ	2.10	Trung bình	
DH12DT								
1	12130040	Trang Quốc	Văn	21/12/1994	Nam	2.27	Trung bình	
2	12130163	Nguyễn Thành	Chí	06/06/1994	Nam	2.42	Trung bình	
3	12130296	Nguyễn Trọng	Trí	20/11/1994	Nam	2.19	Trung bình	
DH13DT								
1	13130103	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	10/06/1995	Nữ	2.39	Trung bình	
DH14DTA								
1	14130017	Châu Trần	Dũng	25/09/1996	Nam	2.65	Khá	
2	14130019	Nguyễn Thành	Đạt	17/06/1996	Nam	2.29	Trung bình	
3	14130055	Phạm Thanh	Lâm	04/01/1996	Nam	2.32	Trung bình	
4	14130093	Trần Đức	Phú	16/01/1995	Nam	2.27	Trung bình	
5	14130101	Phạm Hữu	Quý	15/09/1996	Nam	2.64	Khá	
DH14DTB								
1	14130377	Đặng Minh Phú	Vinh	21/09/1996	Nam	2.74	Khá	
Công nghệ thực phẩm								
DH13BQ								
1	13125020	Nguyễn Triều	Ái	26/09/1995	Nam	2.39	Trung bình	
2	13125022	Vũ Thị Hồng	Ánh	12/08/1995	Nữ	2.78	Khá	
3	13125230	Trần Xuân	Lâm	20/05/1995	Nam	2.80	Khá	
DH13DD								
1	13125433	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	01/04/1995	Nữ	2.46	Trung bình	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH13TPA								
1	13117110	Tô Đăng Nguyên	Phúc	24/06/1995	Nam	2.57	Khá	
2	13132417	Phạm Minh	Tuấn	12/10/1995	Nam	2.60	Khá	
DH13TPB								
1	13125019	Vũ Nhật	Anh	01/03/1995	Nam	2.72	Khá	
2	13125349	Đặng Thị Hồng	Nhung	03/02/1994	Nữ	2.94	Khá	
3	13125870	Cao Thị	Phượng	11/11/1995	Nữ	3.21	Khá	
DH13VT								
1	13125458	Nguyễn Xuân	Thái	20/11/1995	Nam	2.78	Khá	
DH14BQ								
1	14125202	Lê Thanh	Long	22/10/1996	Nam	3.01	Khá	
2	14125585	Lô Thị	Kim	09/02/1995	Nữ	2.75	Khá	
DH14BQGL								
1	14125541	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	07/05/1996	Nữ	3.02	Khá	
2	14125639	Lê Thị Quỳnh	Như	30/08/1995	Nữ	2.58	Khá	
3	14125663	Trần Thị	Yên	20/11/1996	Nữ	2.83	Khá	
DH14DD								
1	14125187	Ngô Nguyễn ánh	Linh	02/11/1996	Nữ	3.13	Khá	
2	14125270	Nguyễn Thanh Khoa Diệu	Ngọt	16/04/1996	Nữ	2.59	Khá	
3	14125298	Nguyễn Thị Ngọc	Như	27/09/1996	Nữ	3.19	Khá	
4	14125377	Nông Thị Bích	Thảo	28/08/1996	Nữ	2.49	Trung bình	
5	14125420	Châu Thị	Thương	06/09/1995	Nữ	2.89	Khá	
6	14125508	Hà Thị Bích	Vân	10/08/1996	Nữ	2.78	Khá	
DH14TP								
1	14125007	Nguyễn Hoàng Tú	Anh	18/11/1996	Nữ	3.17	Khá	
2	14125011	Võ Lan	Anh	16/10/1996	Nữ	2.94	Khá	
3	14125049	Lê Thị Phương	Dung	07/05/1996	Nữ	3.73	Xuất sắc	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
4	14125137	Đồng Thị	Huyền	30/04/1996	Nữ	3.54	Giỏi	
5	14125254	Trà Thị Kim	Ngân	25/08/1996	Nữ	3.21	Giỏi	
6	14125264	Lê Nguyễn Hoàng Bửu	Ngọc	01/06/1996	Nữ	3.31	Giỏi	
7	14125271	Cao Thị Thúy	Nguyên	10/12/1996	Nữ	3.23	Giỏi	
8	14125294	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	17/02/1996	Nữ	3.40	Giỏi	
9	14125336	Lê Anh	Quyên	24/05/1996	Nữ	3.50	Giỏi	
10	14125432	Nguyễn Hữu	Tiến	10/01/1996	Nam	3.49	Giỏi	
11	14125441	Nguyễn Đức	Toàn	21/09/1996	Nam	3.28	Giỏi	
12	14125464	Đỗ Thị Diễm	Trinh	15/04/1996	Nữ	3.46	Giỏi	
13	14125470	Tôn Thị Diễm	Trinh	10/09/1996	Nữ	3.11	Khá	
14	14125483	Huỳnh Thanh	Tuấn	27/05/1996	Nam	3.54	Giỏi	
15	14125503	Nguyễn Thị Thu	Uyên	27/11/1996	Nữ	3.21	Giỏi	
16	14125731	Trần Thị Khánh	Hằng	03/12/1996	Nữ	3.21	Giỏi	
17	14125734	Trần Thị Mỹ	Kim	28/08/1996	Nữ	3.51	Giỏi	
18	14125740	Chu Tố	Ngân	20/10/1996	Nữ	3.03	Khá	
19	14125744	Nguyễn Thị Kim	Oanh	07/01/1996	Nữ	3.40	Giỏi	
20	14125745	Trương Nguyễn Diễm	Phúc	29/01/1996	Nữ	3.01	Khá	
21	14125749	Trịnh Thanh	Tân	15/02/1994	Nam	2.98	Khá	
22	14145078	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	06/07/1996	Nữ	3.07	Khá	
Thủy sản								
DH11CT								
1	11117137	Nguyễn Bá	Thắng	09/12/1993	Nam	2.18	Trung bình	
DH11NY								
1	11141073	Lê Anh	Tuấn	01/09/1993	Nam	2.34	Trung bình	
DH13KS								
1	13116305	Đỗ Ngọc	Châu	09/01/1995	Nam	2.71	Khá	
2	13116417	Nguyễn Đình	Huy	15/10/1995	Nam	2.59	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH13NT								
1	13116626	Lê Xuân	Tân	03/04/1994	Nam	2.87	Khá	
DH14CT								
1	14117007	Phạm Thị Thạch Bích	Bích	07/07/1996	Nữ	2.72	Khá	
DH14KS								
1	14116182	Phạm Thị Cẩm	Phương	18/08/1996	Nữ	2.90	Khá	
DH14NT								
1	14116049	Phan Huỳnh	Dũng	03/09/1996	Nam	3.00	Khá	
2	14116215	Trần Đức	Thịnh	17/10/1996	Nam	2.85	Khá	
3	14116232	Võ Thị Mỹ	Tiên	19/01/1996	Nữ	2.79	Khá	
DH14NTNT								
1	14116304	Trần Ngọc	Tuấn	20/10/1996	Nam	2.55	Khá	
2	14116493	Nguyễn Phúc	Trình	29/04/1995	Nam	2.48	Trung bình	
DH14NY								
1	14116200	Phạm Thị Lệ	Sương	10/05/1996	Nữ	2.96	Khá	
2	14116204	Phạm Nhựt	Tân	09/12/1995	Nam	2.72	Khá	
DH15CT								
1	15117004	Nguyễn Huỳnh Xuân	Bách	12/09/1997	Nữ	3.02	Khá	
2	15117008	Nguyễn Thị	Chung	17/09/1997	Nữ	3.63	Xuất sắc	
3	15117010	Đoàn Thị Thu	Đức	08/02/1997	Nữ	3.26	Giỏi	
4	15117013	Nguyễn Thị Tuyết	Hân	15/07/1997	Nữ	2.93	Khá	
5	15117015	Cao Thị Ngọc	Hiền	17/02/1997	Nữ	3.24	Giỏi	
6	15117016	Nguyễn Trần	Hiếu	10/01/1997	Nam	3.38	Giỏi	
7	15117019	Trần Thị Ngọc	Hương	01/01/1997	Nữ	3.48	Giỏi	
8	15117020	Trần Thị Thiên	Hương	12/08/1997	Nữ	3.08	Khá	
9	15117021	Lê Văn	Huy	13/01/1997	Nam	2.84	Khá	
10	15117023	Đinh Thị Mỹ	Huyền	06/01/1997	Nữ	2.89	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
11	15117027	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	25/12/1997	Nữ	2.92	Khá	
12	15117028	Trần Kim	Lến	21/02/1997	Nữ	3.02	Khá	
13	15117035	Nguyễn Thị Hồng	Ly	26/02/1997	Nữ	2.85	Khá	
14	15117036	Bùi Thị Hồng	May	17/05/1997	Nữ	2.94	Khá	
15	15117045	Võ Thị Ý	Nhi	20/06/1997	Nữ	3.19	Khá	
16	15117047	Lưu Thị Kiều	Oanh	21/01/1997	Nữ	3.14	Khá	
17	15117052	Nguyễn Thị Kim	Quyên	24/04/1997	Nữ	3.26	Giỏi	
18	15117060	Lê Thị Kim	Thao	25/09/1997	Nữ	2.98	Khá	
19	15117062	Nguyễn Đặng Mai	Thảo	05/11/1997	Nữ	3.19	Khá	
20	15117063	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	16/07/1997	Nữ	2.97	Khá	
21	15117067	Trần Thị Hoàng	Thơ	02/12/1997	Nữ	3.00	Khá	
22	15117070	Bành Thị Lệ	Thu	08/02/1997	Nữ	3.33	Giỏi	
23	15117073	Nguyễn Thị Minh	Thư	09/04/1997	Nữ	3.52	Giỏi	
24	15117075	Huỳnh Cẩm	Thụy	09/03/1997	Nữ	3.17	Khá	
25	15117081	Huỳnh Phạm Nữ	Trinh	12/02/1997	Nữ	2.97	Khá	
26	15117082	Nguyễn Thị Diệu	Trinh	30/01/1997	Nữ	3.01	Khá	
27	15117090	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	10/10/1996	Nữ	3.03	Khá	
DH15KS								
1	15116014	Phan Huỳnh Kim	Cương	12/02/1997	Nữ	3.28	Giỏi	
2	15116056	Phan Thị	Hương	05/06/1997	Nữ	2.97	Khá	
3	15116066	Phạm Lê	Khánh	06/07/1996	Nam	2.90	Khá	
4	15116142	Nguyễn Thị Mỹ	Thắm	12/12/1997	Nữ	3.20	Giỏi	
5	15116187	Phạm Thị Thanh	Trúc	26/05/1997	Nữ	2.79	Khá	
DH15NT								
1	15116059	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền	15/02/1997	Nữ	3.16	Khá	
2	15116071	Phan Thị Thanh	Khuyên	07/03/1997	Nữ	3.46	Giỏi	
3	15116072	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	24/02/1996	Nữ	3.15	Khá	
4	15116127	Trần Thị	Quý	04/02/1997	Nữ	3.03	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	15116177	Phạm Thị Bích	Trâm	12/07/1997	Nữ	3.16	Khá	
6	15116189	Trần Ngọc	Trường	22/02/1997	Nam	2.64	Khá	
DH15NY								
1	15116048	Nguyễn Thiện	Hoàng	18/01/1997	Nam	2.56	Khá	
2	15116052	Nguyễn Thị Lệ	Hồng	25/03/1997	Nữ	2.85	Khá	
3	15116092	Phan Ngọc Quế	Minh	02/05/1997	Nữ	3.33	Giỏi	
4	15116095	Phan Thị Thu	Nga	26/12/1997	Nữ	3.01	Khá	
5	15116109	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	27/02/1997	Nữ	3.49	Giỏi	

HIỆU TRƯỞNG